TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 67DCCA21
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2016-2017

STT	HỌC PHẦN / SINH VIÊN				DC1CB26_Hoá học đại cương (3)		DC1LL01_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC1TT42_Tin học đại cương (3)		DC1CB11_Toán 1 (4)		DC1CB41_Toán 2 (2)		DC1CB21_Vật lý đại cương 1 (4)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		1,335,000
1	67DCCA20003	BÙI VIẾT	ANH	12/09/1998	6.7	C+	3.3	F	6.5	C+	2.9	F	3.4	F	2.6	F	4	60,000
2	67DCCA20005	ĐINH BẢO	ANH	16/01/1998	1.7	F	0.0	F	1.5	F	2.1	F	0.0	F	0.0	F	3	45,000
3	67DCCA20002	LÊ CÔNG TUẤN	ANH	09/12/1998	2.6	F	0.0	F	5.7	C	0.0	F	3.1	F	3.9	F	3	45,000
4	67DCCA20001	NGUYỄN TUẤN	ANH	23/10/1998	2.2	F	8.0	B+	5.6	C	5.2	D+	3.9	F	4.0	D	2	30,000
5	67DCCA20006	DƯƠNG XUÂN	BẮC	01/12/1998	3.5	F	4.1	D	5.9	C	3.0	F	5.4	D+	4.9	D	2	30,000
6	67DCCA20007	NGUYỄN VĂN	BIÊN	20/10/1998	3.1	F	5.3	D+	6.1	C+	4.6	D	2.1	F	4.9	D	2	30,000
7	67DCCA20008	TỐNG ĐỨC	BÌNH	16/09/1998	4.1	D	6.4	C+	5.9	C	2.0	F	2.9	F	2.2	F	3	45,000
8	67DCCA20010	NGUYỄN CAO	CƯỜNG	23/07/1998	6.1	C+	4.5	D	6.9	C+	5.8	C	5.1	D+	6.8	C+		
9	67DCCA20009	NGUYỄN HỮU	CƯỜNG	25/04/1998	3.3	F	5.1	D+	6.7	C+	4.3	D	4.4	D	3.3	F	2	30,000
10	67DCCA20015	HÀ MẠNH	DŨNG	14/03/1998	2.3	F	2.2	F	5.8	C	2.1	F	0.0	F	0.0	F	3	45,000
11	67DCCA20012	NGUYỄN VĂN	DŨNG	29/05/1998	3.5	F	4.2	D	8.2	B+	4.2	D	5.4	D+	5.6	C	1	15,000
12	67DCCA20019	NGUYỄN VĂN	DUYNH	01/11/1998	6.3	C+	7.5	B	8.5	A	6.7	C+	6.2	C+	6.2	C+		
13	67DCCA20026	GIANG VĂN	ĐỨC	17/05/1998	2.6	F	4.3	D	5.0	D+	1.5	F	0.0	F	0.0	F	2	30,000
14	67DCCA20025	NGUYỄN THIỆN	ĐỨC	29/11/1998	0.0	F	2.7	F	6.5	C+	0.0	F	3.8	F	4.7	D	2	30,000
15	67DCCA20027	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	16/02/1998	4.1	D	8.3	B+	6.8	C+	0.0	F	2.3	F	5.0	D+	1	15,000
16	67DCCA20029	VŨ TRUNG	ĐỨC	24/11/1998	1.7	F	0.0	F	1.5	F	0.0	F	0.0	F	1.4	F	3	45,000
17	67DCCA20021	LÊ VĂN	ĐẠT	11/01/1998	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F		
18	67DCCA20031	HOÀNG VĂN	GIÀU	24/01/1998	6.4	C+	8.0	B+	6.1	C+	5.5	C	4.7	D	4.1	D		
19	67DCCA20033	VŨ QUANG	HẢI	16/07/1998	5.0	D+	6.3	C+	6.1	C+	5.1	D+	3.8	F	2.4	F	2	30,000
20	67DCCA20038	NGUYỄN ĐÌNH	HIỆP	14/12/1998	1.7	F	0.0	F	0.0	F	1.1	F	0.0	F	1.3	F	3	45,000
21	67DCCA20035	NGUYỄN THU MINH	HẰNG	05/12/1998	2.7	F	7.2	B	7.2	B	4.3	D	3.6	F	5.0	D+	2	30,000
22	67DCCA20044	CAO VĂN	HUY	26/02/1998	2.0	F	6.7	C+	1.5	F	0.0	F	3.0	F	2.6	F	4	60,000
23	67DCCA20046	ĐỖ NGỌC	HUY	13/05/1997	2.1	F	1.9	F	1.9	F	1.8	F	4.8	D	2.2	F	5	75,000
24	67DCCA20045	TRẦN VĂN	HUY	06/12/1998	3.3	F	6.7	C+	6.0	C+	2.4	F	3.5	F	6.4	C+	3	45,000
25	67DCCA20048	NGUYỄN ĐÔN	KIÊN	07/07/1998	3.3	F	6.3	C+	7.4	B	2.4	F	3.1	F	4.9	D	3	45,000
26	67DCCA20052	LÊ PHÚC	LINH	22/09/1998	4.3	D	7.2	B	4.6	D	3.8	F	3.2	F	4.4	D	2	30,000
27	67DCCA20050	NGUYỄN VIẾT	LẬP	29/03/1998	3.6	F	6.8	C+	8.2	B+	2.4	F	3.7	F	5.9	C	3	45,000
28	67DCCA20057	LÊ SĨ	MẠNH	23/05/1998	1.9	F	4.2	D	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	1	15,000
29	67DCCA20056	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	20/07/1998	2.7	F	5.7	C	5.9	C	2.0	F	4.0	D	2.5	F	3	45,000
30	67DCCA20059	KIỀU MẠNH	NAM	24/11/1997	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F		
31	67DCCA20061	VŨ HẢI	NAM	26/07/1998	4.5	D	7.8	B	5.6	C	2.8	F	4.1	D	4.1	D	1	15,000

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN			DC1CB26_Hoá học đại cương (3)		DC1LL01_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC1TT42_Tin học đại cương (3)		DC1CB11_Toán 1 (4)		DC1CB41_Toán 2 (2)		DC1CB21_Vật lý đại cương 1 (4)																				Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																						1,335,000
32	67DCCA20064	ĐINH VĂN QUÂN	26/12/1998	1.5	F	1.7	F	0.0	F	0.7	F	0.0	F	0.0	F																					3	45,000
33	67DCCA20065	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	13/01/1998	5.5	C	7.1	B	6.7	C+	5.4	D+	5.0	D+	6.0	C+																						
34	67DCCA20067	MAI THANH SƠN	06/06/1998	2.5	F	5.5	C	0.0	F	3.6	F	0.0	F	0.0	F																					2	30,000
35	67DCCA20069	NGUYỄN VĂN TÂM	16/08/1998	5.3	D+	7.7	B	5.4	D+	9.1	A	9.1	A	6.0	C+																						
36	67DCCA20076	ĐINH VĂN THÀNH	08/06/1998	3.0	F	3.4	F	5.4	D+	0.0	F	3.6	F	3.7	F																					4	60,000
37	67DCCA20072	TRƯƠNG THẾ THẮNG	11/03/1997	2.0	F	6.3	C+	6.8	C+	2.5	F	4.0	D	2.0	F																					3	45,000
38	67DCCA20079	NGUYỄN DUY TIỀN	30/08/1997	2.7	F	5.8	C	0.0	F	0.0	F	2.7	F	5.4	D+																					2	30,000
39	67DCCA20077	NGUYỄN MINH TIẾN	24/12/1998	4.1	D	7.5	B	7.7	B	6.8	C+	4.0	D	6.0	C+																						
40	67DCCA20080	BÙI VĂN TRÌNH	30/12/1998	4.6	D	7.5	B	6.1	C+	3.6	F	0.0	F	2.5	F																					2	30,000
41	67DCCA20081	LƯƠNG VĂN TRỌNG	11/02/1998	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F																						
42	67DCCA20082	TRẦN VĂN TRUNG	16/07/1998	4.2	D	6.9	C+	6.5	C+	0.0	F	0.0	F	2.0	F																					1	15,000
43	67DCCA20084	DƯƠNG XUÂN TRƯỜNG	21/07/1998	2.9	F	6.2	C+	5.1	D+	2.0	F	2.6	F	3.1	F																					4	60,000
44	67DCCA20087	NGÔ XUÂN TUYỀN	04/04/1998	4.9	D	3.5	F	6.7	C+	4.3	D	2.5	F	3.7	F																					3	45,000

STT	HỌC PHẦN / SINH VIÊN			DC1CB26_Hoá học đại cương (3)		DC1LL01_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC1TT42_Tin học đại cương (3)		DC1CB11_Toán 1 (4)		DC1CB41_Toán 2 (2)		DC1CB21_Vật lý đại cương 1 (4)																		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																				1,335,000